

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2020/DS-PT**

Ngày: 29-9-2020

*V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Túc.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Quốc Hưng.

Bà Bạch Thị Hồng Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2020/QĐPT-DS ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MT H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1970 - Phó Giám đốc; có mặt.

Địa chỉ: Ngách 384 đường H, tổ 15, phường H, thành phố H, tỉnh H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đan Tiếp Phúc, Luật sư Văn phòng luật sư Đan Tiếp Phúc thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hòa Bình; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị Bích N, sinh năm: 1979; có mặt.

Địa chỉ: Số nhà PS2-08 khu đô thị mới Z, tổ 12, phường H, thành phố H, tỉnh H.

3. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1984 - Kế toán Công ty TNHH MT H; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Cửa hàng sơn Z, Tòa nhà x, đường L, phường H, thành phố H, tỉnh H.

- Bà Trần Thị Ch, sinh năm: 1984 - Kế toán Công ty TNHH MT H; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 279 đường H, tổ 9, phường H, thành phố H, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2019, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty TNHH MT H trình bày:

Công ty TNHH MT H (gọi tắt là Công ty MT) là khách hàng thường xuyên vay hạn mức tín dụng của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Hòa Bình (gọi tắt là BIDV Hòa Bình). Tháng 02/2016, do có nhu cầu nâng hạn mức vay tín dụng, bà Vũ Thị Bích N ký hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba để Công ty MT được nâng hạn mức tín dụng.

Sau khi được BIDV Hòa Bình đồng ý nâng hạn mức tín dụng, bà N có đặt vấn đề với Công ty MT vay số tiền 200.000.000đ và được ông Bùi Văn M (là Giám đốc Công ty MT) đồng ý.

Ngày 02/02/2016, bà Nguyễn Thị Thanh T - Kế toán Công ty MT căn cứ vào hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba sau đó dựa trên mẫu của Ngân hàng BIDV Hòa Bình để lập thành "Bản cam kết kiêm giấy nhận nợ" để cho bà N vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng). Sau đó, bà T - Kế toán của công ty gửi tin nhắn cho bà N (là chị dâu của mình) đến công ty để nhận tiền. Bà Ngọc đến Công ty MT hai lần để nhận tiền, cụ thể:

Lần thứ nhất vào ngày 04/02/2016, nhận số tiền 100.000.000đ.

Lần thứ hai vào ngày 06/02/2016, nhận tiếp số tiền 100.000.000đ.

Đến ngày 22/7/2016, bà N có trả cho công ty 100.000.000đ và ký vào phần cuối của "Bản cam kết kiêm giấy nhận nợ". Số tiền bà N còn nợ lại là 100.000.000đ, chưa trả tiền lãi mặc dù công ty đã nhiều lần yêu cầu bà N trả nốt số tiền gốc và lãi đã nợ. Nay Công ty MT khởi kiện đến Tòa án yêu cầu: Bà Vũ

Thị Bích N phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho Công ty MT, cụ thể: Nợ gốc 100.000.000đ và lãi suất 10%/năm x 28 tháng = 23.240.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 123.240.000đ.

Ông Bùi Văn M - người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty MT nhất trí với kết luận giám định số 275/C09-P5 ngày 25/11/2019 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Vũ Thị Bích N trình bày: Bà không được vay tiền hay cầm tiền của Công ty TNHH MT, bà cũng không ký, chữ ký, chữ viết ghi họ và tên của bà ở phần sau "Bản cam kết kiêm giấy nhận nợ" mà ông Minh cung cấp cho Tòa án là không phải của bà.

Ngày 14/01/2020 bà nhận được kết luận giám định số 275/C09-P5 ngày 25/11/2019 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an và không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà làm kế toán của Công ty TNHH MT từ tháng 6/2008 cho đến tháng 02/2018. Công việc chính của bà ở công ty là làm kế toán theo dõi sổ sách thu chi cho công ty. Ngày 02/02/2016 bà có nghe ông M là Giám đốc công ty nói là "Chị N có vay 200.000.000đ của công ty". Sau khi nhân viên đi bán hàng về nộp tiền cho bà thì bà có chỉ cho bà N vay tiền và giao tiền cho bà N làm hai lần, cụ thể:

Lần thứ nhất vào ngày 04/02/2016, giao số tiền 100.000.000đ.

Lần thứ hai vào ngày 06/02/2016, giao tiếp số tiền 100.000.000đ, lãi suất số tiền vay 200.000.000đ thỏa thuận theo lãi suất của Ngân hàng. Bà có làm bản cam kết nhận nợ theo mẫu của Ngân hàng BIDV để bà N nắm được số tiền lãi hàng tháng mà bà N phải trả và có bà N và ông M ký nhận nợ với nhau vào "Bản cam kết kiêm giấy nhận nợ" này. Lý do bà soạn "Bản cam kết kiêm giấy nhận nợ" theo mẫu Ngân hàng BIDV là do công ty có làm hợp đồng tín dụng để vay vốn Ngân hàng, thế chấp bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Thị Bích N (bên thứ ba) chứ không phải Ngân hàng BIDV phát hành "Bản cam kết kiêm giấy nhận nợ" này. Việc giao tiền có ba người là ông M, bà, bà Trần Thị Ch - Kế toán Công ty MT biết.

Ngày 22/7/2016, bà N trả cho công ty số tiền 100.000.000đ tại Văn phòng bảo hiểm D nơi bà N làm việc, bà là người trực tiếp cầm tiền về và đưa lại cho

ông M. Khi trả tiền, bà N có ghi việc trả tiền vào trang 02 của Bản cam kết. Việc trả tiền này chỉ có bà và bà N.

Bà và bà N có mối quan hệ là chị chồng - em dâu do bà lấy em trai ruột của bà N, giữa bà và bà N không có mâu thuẫn gì. Việc bà N vay của Công ty MT số tiền 200.000.000đ, đã trả 100.000.000đ nay còn nợ số tiền gốc 100.000.000đ và tiền lãi là đúng.

Bà Trần Thị Ch trình bày: Bà là kế toán của Công ty MT từ năm 2011 đến nay, phụ trách phần kế toán thuế. Bà và bà T ngồi làm việc chung một phòng. Ngày 04 và 06/02/2016 bà có thấy bà N đến công ty lấy tiền, T là người đưa tiền, đưa làm hai lần, cụ thể số tiền bao nhiêu thì bà không biết.

Tại Bản kết luận giám định số 275/C09-P5 ngày 25/11/2019 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an kết luận:

1. Bản cam kết kèm giấy nhận nợ ngày 02/02/2016 không bị tẩy xóa, sửa chữa.
2. Giấy in Bản cam kết kèm giấy nhận nợ ngày 02/02/2016 không bị cắt ghép.
3. Không đủ cơ sở kết luận các chữ photocopy trên Bản cam kết kèm giấy nhận nợ ngày 02/02/2016 có bị cắt ghép hay không.
4. Chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Thị Bích N dưới mục "Đại diện bên vay" trên "Bản cam kết kèm giấy nhận nợ" ngày 02/02/2016 so với chữ ký, chữ viết của bà Vũ Thị Bích N trên các mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MT về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Vũ Thị Bích N. Buộc bà Vũ Thị Bích N phải trả cho Công ty TNHH MT số tiền 134.400.000đ (một trăm ba mươi tư triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong đó: nợ gốc 100.000.000đ; Lãi suất tính từ ngày 22/7/2016 đến ngày 29/02/2020 (43 tháng x 10%/năm (0,83%/tháng)) là 34.400.000đ (ba mươi tư triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, chi phí giám định, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/03/2020, bị đơn bà Vũ Thị Bích N có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

Việc kháng cáo của bị đơn là quá hạn, tuy nhiên do thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cấp bách phòng chống dịch COVID-19 nên Hội đồng xét kháng cáo quá hạn quyết định chấp nhận việc kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị Bích N (tại Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 16/2020/QĐ-PT ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Vũ Thị Bích N giữ nguyên kháng cáo, cho rằng bà không vay tiền, không cầm tiền của nguyên đơn. Đồng thời bà cũng không được ký vào "Bản cam kết kiêm giấy nhận nợ" ngày 02/02/2016. Bà không đồng ý với Kết luận giám định số 275/C09-P5 ngày 25/11/2019 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn M - Giám đốc Công ty MT không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình thụ lý vụ án để xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Đối với đương sự, từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Vũ Thị Bích N đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về kháng cáo: Bị đơn Vũ Thị Bích N đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 271, 272 Bộ luật TTDS về người có quyền kháng cáo, đơn kháng cáo. Về thời hạn kháng cáo bị đơn có vi phạm về thời hạn được quy định tại Điều 273 Bộ luật TTDS, nhưng do trở ngại khách quan nên kháng cáo được chấp nhận. Tuy nhiên, qua nghiên cứu hồ sơ vụ kiện, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa

Bình nhận thấy: Về chấp hành tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm, kể từ khi thụ lý đến trước khi đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật TTDS. Đây là vụ án do Tòa án thu thập chứng cứ và đối tượng tranh chấp là hợp đồng vay tài sản nên việc tham gia phiên tòa sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình là tuân theo đúng quy định tại Khoản 2, Điều 21 Bộ luật TTDS. Tuy nhiên, khi đưa vụ kiện ra xét xử, về thành phần Hội đồng xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm. Cụ thể: ông Phạm Quốc Trung đã tiến hành tố tụng với tư cách Hội thẩm nhân dân tại phiên tòa sơ thẩm ngày 15/10/2018, sau đó Bản án sơ thẩm bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy để giải quyết lại. Tại phiên tòa sơ thẩm lần 2 ngày 05/3/2020 ông Phạm Quốc Trung tiếp tục tham gia Hội đồng xét xử với tư cách là Hội thẩm nhân dân. Như vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình đã vi phạm khoản 3 Điều 53 Bộ luật tố tụng dân sự quy định việc “Thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân”.

Quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án cấp sơ thẩm còn thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ đó là chưa thực hiện việc đối chất giữa bị đơn Vũ Thị Bích N với kế toán của Công ty MT là Nguyễn Thị Thanh T để làm rõ về thời gian, địa điểm T đưa số tiền 200 triệu đồng cho bà N. Việc Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nhưng đã quyết định buộc bị đơn Vũ Thị Bích N phải trả số tiền còn nợ 100 triệu đồng cùng lãi xuất cho Công ty MT là chưa đảm bảo tính khách quan, chính xác trong quá trình giải quyết vụ kiện.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm cả về tố tụng cũng như nội dung trong quá trình giải quyết vụ kiện, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Những vi phạm này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Từ những căn cứ nêu trên thấy rằng: Việc bị đơn Vũ Thị Bích N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ kiện theo trình tự phúc thẩm để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Công ty MT khởi kiện yêu cầu đòi lại số tiền bà Vũ Thị Bích N vay của công ty là 100.000.000đ; lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) kể từ ngày 02/02/2016 đến khi xét xử sơ thẩm. Bị đơn bà Vũ Thị Bích N có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình tiến hành thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 9 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Kháng cáo của bị đơn Vũ Thị Bích N quá thời hạn kháng cáo, tuy nhiên, vì lý do khách quan thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cấp bách phòng chống dịch COVID-19 nên đơn kháng cáo của bị đơn được chấp nhận.

Mặt khác, khoản 3 Điều 53 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định, Hội thẩm nhân dân phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi trong trường hợp đã tham gia giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và đã ra bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình đã có sự tham gia của Hội thẩm nhân dân Phạm Quốc Trung. Đến phiên tòa xét xử sơ thẩm lại lần 2 ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình vì có sự tham gia của Hội thẩm nhân dân Phạm Quốc Trung dẫn đến thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng quy định. Trong trường hợp này, Hội thẩm nhân dân Phạm Quốc Trung phải từ chối tham gia giải quyết vụ án hoặc Hội đồng xét xử sơ thẩm phải thay đổi Hội thẩm nhân dân khác tham gia giải quyết vụ án.

Do các thiếu sót về tố tụng như đã phân tích trên và không thể khắc phục ở cấp phúc thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án là cần thiết nên không xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị Bích N.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm, bị đơn Vũ Thị Bích N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị Bích N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006712 ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. (29/9/2020).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND TP. Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Chi cục THADS TP. Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Túc